

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2019/HC-ST

Ngày: 07/11/2019

*V/v Khiếu kiện QĐ hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước
về đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Long
2. Bà Hoàng Thị Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Phạm Thế Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019; Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HC ngày 04-05-2019, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HC ngày 09-10-2019 và hoãn phiên tòa số: 237/TB-TA ngày 21-10-2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1945; Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Hoàng Ngọc L - Văn phòng luật sư Hoàng Ngọc L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: 04 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn V, chức vụ: Chủ tịch.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Y, chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền số 2812/UBND-TD ngày 14/5/2019); Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Địa chỉ: 270, Quốc Lộ 20, Khu Phố 2, thị Trấn Liên Nghĩa, Huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Văn P, chức vụ: Chủ tịch
- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Nguyên H, chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền số 19/GUQ-UBND ngày 14/5/2019). Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Đội 7, thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Hoàng Văn H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ 4, thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Thị T, chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/10/2019); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2015 và bản tự khai của người khởi kiện bà Lê Thị S trình bày:

Năm 1988, bà S và các con cùng khai phá mảnh đất rừng để sản xuất rau màu. Diện tích khoảng 2,8 ha tại thôn Tân Phú, xã N, huyện Đ. Năm 1992, bà bị bệnh phải đi TP Hồ Chí Minh chữa bệnh, lúc này ông Hồ Nhật C đến phá nhà và lấn chiếm của bà 2,5 ha đất. Còn lại 0,3 ha là đất đá nên ông C không chiếm (diện tích thực tế là 2.989m²). Năm 2008, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xét xử phúc thẩm, buộc bà Tô Thị S phải trả cho bà 5.000m² đất và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần đất này. Phần đất còn lại 2.989m² bà tiếp tục canh tác trồng cây muồng, cây cà phê, cây cà ri từ năm 1997. Khi Ủy ban nhân dân xã tiến hành đo đạc cấp sổ cho bà đối với 5000m². Bà đã kê khai và yêu cầu địa chính xã cấp luôn cho bà 2.989m² còn lại nhưng cán bộ địa chính nói rằng diện tích đất này không đăng ký quyền sử dụng đất được nên Ủy ban nhân dân xã không cấp.

Năm 2013, ông H lấy diện tích 2.989m² đất của bà bán cho ông Nguyễn Minh Đ nên giữa bà và ông Đ phát sinh tranh chấp. Ông Đ đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Đ. Ngày 12/01/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT giải quyết, không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà S và giao toàn bộ diện tích đất 2.989 m² cho Ủy ban nhân dân xã N quản lý. Bà S tiếp tục có đơn khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quyết định số 968/QĐ-UBND, ngày 22/4/2015, không chấp nhận đơn khiếu nại của bà; giữ nguyên quyết định số 03 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại trên, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy:

+ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết đơn của bà S.

+ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ ngụ tại tổ 4, thôn T.

Với lý do đất do bà khai hoang từ năm 1988 và sử dụng cho đến nay, trên đất vẫn còn các cây lớn và những người canh tác lân cận có xác nhận diện tích đất trên do bà S khai phá và canh tác. Văn bản của Phòng tài nguyên cũng đã xác minh và thể hiện điều này.

** Theo ý kiến của đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ - Ông Lê Nguyên H trình bày:*

Ngày 26/9/2014, ông Nguyễn Minh Đ có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Lê Thị S đối với diện tích 2.989m² (*Diện tích đất này chưa được đo đạc trong bản đồ địa chính năm 1994, nay thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26, đo đạc năm 2013*). Qua kết quả kiểm tra cho thấy: Hiện trạng diện tích đất tranh chấp nêu trên là đất hoang cỏ mọc cao và dày, mặt đất đa số là đá cục. Trên đất có dấu vết của các hố cà phê được đào, vết trên nền đá cục, không có dấu vết của các cây trồng lâu năm khác, ven theo một phần của ranh giới đất có một số cây cà ri do ông Đ mới trồng.

Đối chiếu thực địa, kiểm tra các giấy tờ viết tay sang nhượng đất của ông Nguyễn Minh Đ cho thấy: Ông Đ không có chứng cứ hợp pháp chứng minh diện tích đất tranh chấp nêu trên là của ông; việc ông Đ cho rằng diện tích đất ông đang tranh chấp nằm trong diện tích đất của bà Sam sang nhượng cho ông K tại giấy viết tay ngày 01/01/2003 là sai sự thật. Mặt khác, qua kiểm tra hồ sơ thì ông Trương Công N chỉ có diện tích đất nhận sang nhượng của bà Tô Thị S, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông N đang sử dụng. Không có giấy tờ gì khác chứng minh ông Trương Công N có quyền sử dụng diện tích đất ông Đ đang tranh chấp để ông N sang nhượng cho ông H và ông H sang nhượng cho ông Đ như lời trình bày của ông Đ. Ông Đ vét đá, móc hố trồng cà phê từ khoảng tháng 7/2013 thì xảy ra việc bà Lê Thị S nhổ cà phê trên đất. Trước đó khu vực này là bãi đất hoang đá, không có chứng cứ chứng minh có người sử dụng ổn định diện tích đất nêu trên. Do vậy, việc ông Nguyễn Minh Đ tranh chấp đòi quyền sử dụng diện tích đất nêu trên là không có cơ sở.

Đối với bà Lê Thị S: Trước đây, bà có tranh chấp đất với bà Tô Thị S, đã được Tòa án xử chấp thuận giao trả cho bà 5.000m². Diện tích đất tranh chấp này nằm ngoài diện tích đất bà được giao trả theo bản án như nêu trên và là diện tích đất hoang đá. Bà Lê Thị S cũng không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của bà. Mặt khác tại thời điểm kê khai cấp giấy CNQSD đất 5.000m² (*năm 2011*) bà S cũng không kê khai diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT ngày 12/01/2015 giải quyết với nội dung: Không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh Đ; bà Lê Thị S đối với diện tích

2.989m² đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26, đo đạc năm 2013. Không đồng ý với việc giải quyết của Chủ tịch UBND huyện, bà S tiếp tục khiếu nại đến và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 giải quyết đơn của bà Lê Thị S với nội dung:

Giữ nguyên Quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Minh Đ.

Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, Chủ tịch UBND huyện Đ đề nghị TAND tỉnh Lâm Đồng xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

** Theo ý kiến của đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng – Ông Nguyễn Văn Y trình bày:*

Năm 2013, hộ ông Nguyễn Minh Đ có đơn tranh chấp diện tích 2.989m² tại tổ 4, thôn T, xã N, huyện Đ với hộ bà Lê Thị S. Ủy ban nhân dân xã N đã tổ chức hòa giải không thành nên vụ việc được Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét, giải quyết.

Ngày 12/01/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ, cư ngụ tại tổ 4, thôn T, xã N huyện Đ với nội dung: *“Không công nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ; bà Lê Thị S đối với diện tích 2.989m² đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26 xã N đo năm 2013; ... Giao Ủy ban nhân dân xã N: Quản lý diện tích thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26 nêu trên theo diện đất công; kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi lấn chiếm theo quy định. Lý do: Ông Nguyễn Minh Đ, bà Lê Thị S không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên”*.

Không đồng ý với việc giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện Đ, bà Lê Thị S gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả xác minh cho thấy:

Bà Lê Thị S cho rằng: Diện tích đất 2.989 m² đất tại thôn T, xã N, huyện Đ, bà Lê Thị S yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do gia đình bà khai phá từ năm 1988-1990, nằm bên cạnh lô đất diện tích 5.000m² của bà được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo Bản án số 163/2008/DS-PT ngày 11/9/2008 và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 130194 ngày 23/12/2011, nhưng bà Lê Thị S không cung cấp được các giấy tờ chứng minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất hợp pháp, không kê khai, đăng ký, kê khai nộp thuế đối với diện tích 2.989m² đất *(Theo bản đồ địa chính xã N được đo đạc năm 2013 thì diện tích 2.989m² đất hiện trạng là đất trống, cỏ mọc nhiều cao từ 0,5m đến 01m)*. Mặt khác, tại thời điểm kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.000m² đất *(Năm 2011)*, bà Lê Thị S cũng không kê khai, đăng ký diện tích 2.989 m² đất nêu trên.

Căn cứ theo quy định của Điều 99, 100, 101, 102, Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì việc bà Lê Thị S, yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 2.989m² đất

là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Ngày 22/4/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị S, ngụ tại tổ 40, thôn H, xã N, huyện Đ với nội dung: “*Giữ nguyên Quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT ngày 12/01/2015 của UBND huyện Đ*”.

Căn cứ pháp lý làm cơ sở xem xét giải quyết khiếu nại:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại: Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Về căn cứ giải quyết nội dung khiếu nại: Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành một số điều của Luật đất đai;

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị S là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tuyên xử không chấp nhận đơn của bà Lê Thị S; giữ nguyên Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị S.

** Theo bản tự khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ trình bày:*

Ngày 26/6/2013, ông có nhận sang nhượng của ông Hoàng Văn H diện tích 2.900m² đất tại tổ 4, thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (*việc sang nhượng chỉ thể hiện bằng giấy viết tay*). Đất có tứ cận như sau:

- + Bắc giáp với đường giao thông thôn.
- + Nam giáp đất bà Lê Kim N.
- + Đông giáp đất ông Lơ và khe suối, đất ông H.
- + Tây giáp đất bà Lê Thị Kim N.

Sau khi sang nhượng đất khoảng 2 tháng ông có đến đào hố và trồng khoảng 300 cây cà phê và trồng một số cây tiêu. Khi trồng được khoảng 1 tháng thì bà Lê Thị S đến nhổ cây cà phê của ông nên ông có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Đ. Ngày 12/01/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định không công nhận Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ; bà Lê Thị S đối với diện tích 2989m² đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26, xã N và giao cho UBND xã N quản lý diện tích đất trên. Do không được công nhận quyền sử dụng đất, ngày 02/02/2015, ông Đ đã lập giấy thỏa thuận trả lại đất cho ông Hoàng Văn H. Ngày 24/5/2019 ông Đ có đơn xin kiến nghị gửi Tòa án xác định ông Đ đã trả lại đất cho ông Hường và ông không khiếu nại, không khởi kiện đối với các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban, không có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản trên đất tranh chấp.

** Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H trình bày:*

Năm 2012, ông H có bán diện tích đất 2.989,7m² tại thôn T, xã N, Đ cho ông Nguyễn Minh Đ tại thửa 48, tờ bản đồ 26. Sau khi ông Đ tranh chấp với bà S, thì đã trả lại đất cho ông H và ông H trả lại tiền cho ông Đ. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, thì diện tích đất này bà S đang quản lý và canh tác. Ông H tự nguyện để lại toàn bộ diện tích trên cho bà S canh tác và không tranh chấp với bà nữa. Đề nghị UBND huyện xem xét đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất thì cấp cho bà S.

** Theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã N – Bà Trần Thị Thoa trình bày :*

Thực hiện quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ cư ngụ tại tổ 4, thôn T, xã N, huyện Đ, tại Điều 2 của quyết định có nội dung Giao UBND xã N quản lý diện tích thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26, xã N theo diện đất công; kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi lấn chiếm theo quy định.

Tuy nhiên khi bàn giao thửa đất trên cho UBND xã N quản lý không có biên bản bàn giao cắm mốc ngoài thực địa giữa Phòng Tài nguyên và Môi Trường với UBND xã N. Ngoài thực địa ranh giới thửa đất không rõ ràng, từ khi giao thửa đất 48, tờ bản đồ số 26, xã N để xã quản lý theo diện đất công, UBND xã N đã đưa vào sổ mục kê, hồ sơ đất công, báo cáo đất công để quản lý theo hiện trạng. Nhưng ngoài thực địa trên đất đã trồng cây cà phê và cây cà ri do bà Lê Thị S trồng và sử dụng từ đó cho đến nay, bà Lê Thị S vẫn tiếp tục làm đơn khiếu nại các quyết định giải quyết đất của gia đình bà đến các cấp có thẩm quyền từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà S khởi kiện thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức đối thoại nhưng không được.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định số 968/QĐ-UBND, ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết đơn của bà S và Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ ngụ tại tổ 4, thôn Tân Phú với lý do đất bà S khai hoang, sử dụng trồng 44 cây muồng là cây lâu năm trước khi tranh chấp với ông Đ, đất đang tranh chấp nhưng ông Đ kê khai đăng ký và có tên trong sổ mục kê là không đúng quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên toà hôm nay.

Về nội dung Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S, hủy Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết đơn của bà S và hủy quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ ngụ tại tổ 4, thôn Tân Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện, của người bị kiện, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các văn bản pháp luật có liên quan; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H, ông Nguyễn Minh Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Do vậy, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính đề tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:*

Quyết định giải quyết khiếu nại số 03/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng là Quyết định hành chính của người có thẩm quyền trong quá trình quản lý nhà nước về đất đai, tác động trực tiếp đến quyền lợi của bà Lê Thị S đây là đối tượng của vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Lâm Đồng theo Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

Bà Lê Thị S đã được Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết đơn tranh chấp tại Quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT ngày 12/01/2015 và Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng giải quyết khiếu nại tại quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 22/4/2015; thời hiệu khởi kiện không quá 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được QĐGQKN. Ngày 12/11/2015 bà S làm đơn khởi kiện, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Khoản 1 Điều 115; Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] *Về nội dung:* Bà Lê Thị S khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 03/QĐ-UBND-ĐT ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

[3.1] *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai:*

Tại thời điểm Chủ tịch UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết đơn tranh chấp 2.989m² đất của ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị S vào năm 2015, các bên tranh chấp không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có một trong các giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013; Đồng thời trên đất không có cây trồng (*Theo kết quả xác minh của Thanh tra tỉnh tại Biên bản làm việc ngày 02/3/2015 và biên bản làm việc ngày 04/3/2015*) và ông Nguyễn Minh Đ và bà Lê Thị S lựa chọn giải quyết tranh chấp đất đai tại UBND có thẩm quyền. Căn cứ theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai 2013, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 03/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 và bà S tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND, ngày 22/4/2015. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2016 của TAND tỉnh Lâm Đồng xác định trên đất có tài sản là 44 cây muồng do bà S trồng vào khoảng năm 2009-2010 có chu vi gốc từ 05cm-42cm (*Bút lục 107-108*). Như vậy có căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp được tác động, sử dụng trồng cây lâu năm trước thời điểm xảy ra tranh chấp với ông Đ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai thì “*Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết*”

[3.2] *Xét nội dung, căn cứ giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại:*

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu và chứng cứ thấy rằng: Đối với quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT, ngày 12/01/2015, của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ ngụ tại tổ 4, thôn Tân Phú, tại Điều 2 có nội dung: “*Giao UBND xã N quản lý diện tích thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26 theo diện tích đất công, kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi lấn chiếm theo quy định*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 164 Luật đất đai năm 2013 về quản lý đất chưa sử dụng:

“*Điều 164. Quản lý đất chưa sử dụng*

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.”

Theo Khoản 3 Điều 10 Luật Đất đai 2013 thì: “*Nhóm đất chưa sử dụng gồm các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng.*” và Điều 58 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, đất chưa sử dụng gồm: “*Đất chưa sử dụng gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây.*

Đất chưa sử dụng là đất chưa có đủ điều kiện hoặc chưa được xác định để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, chưa xác định là đất khu dân cư nông thôn, đô thị, chuyên dùng và Nhà nước chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nào sử dụng ổn định lâu dài.”

Diện tích đất 2.989m², thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 06, thôn Hiệp Thuận, xã N đã được quy hoạch là đất nông nghiệp, bà S tác động trồng cây trên đất. Tại biên bản làm việc ngày 02/3/2015, bà S trình bày: “*Trước năm 2013, bà S có*

sử dụng diện tích đất này để trồng hoa màu. Tuy nhiên, từ năm 2013 xảy ra tranh chấp nên UBND xã N yêu cầu không cho ai được tác động trên diện tích đất này và hiện nay là đất trống”. Đồng thời, vào ngày 14/2/2014, phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ ban hành công văn số 52/TNMT về việc xử lý đơn tranh chấp đất của bà S thể hiện “Đất do bà S đang sử dụng, hộ bà Lê đến chiếm sử dụng đất, bà S đã ngăn cản và hiện nay hộ bà Lê không chiếm đất nữa. Bà Lê Thị S có quyền được tiếp tục sử dụng diện tích đất đã sử dụng ổn định của mình và liên hệ với UBND xã N thực hiện kê khai, đăng ký theo quy định”.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 9/7/2019 thì hiện trạng sử dụng đất, trích lục họa đồ (Bút lục 391-397) thể hiện: Diện tích 2.989,7m², thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 26, thôn Tân Phú bà S đang canh tác và sử dụng có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông K và suối cạn, phía tây giáp đất nhà ông L, phía Bắc giáp đường liên thôn, phía nam giáp đất nhà ông L. Trên đất gồm vẫn có 44 cây muồng và 454 cây cà phê trồng năm 2016, khoảng 10 cây cà ri trồng năm 2017. Hiện nay ranh giới đất với các hộ liền kề rõ ràng, không có sự tranh chấp với ai. Đối với ông Hoàng Văn H trước đây có bán đất cho ông Đ, nhưng sau khi xảy ra tranh chấp, ông Đ đã trả lại đất cho ông Hưởng; Ông Hưởng, ông Đ cũng không tranh chấp đất với bà S.

[5] Từ những căn cứ trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S hủy Quyết định số 968/QĐ-UBND, ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị S và Quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT, ngày 12/01/2015, của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ ngụ tại tổ 4, thôn T.

[6] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ, bà Lê Thị S yêu cầu xem xét thẩm định; nộp tạm ứng chi phí số tiền 3.170.000 đồng (ba triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Bà Lê Thị S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đã được quyết toán xong nên phần Quyết định không cần đề cập.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật; hoàn trả cho bà S số tiền nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa XII quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S;

+ Hủy Quyết định số 968/QĐ-UBND, ngày 22/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị S.

+ Hủy Quyết định số 03/QĐ-UBND-ĐT ngày 12/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh Đ cư ngụ tại tổ 4, thôn Tân Phú, xã N, huyện Đ.

2. Về án phí: Buộc người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả cho người khởi kiện bà Lê Thị S số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo biên lai thu số 0006987 ngày 05/01/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người khởi kiện, người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng người bị kiện, có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LD
- Người khởi kiện
- Người bị kiện
- Người liên quan
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Ngọc Bình